

**KẾT QUẢ KIỂM TRA NỘI BỘ NĂNG LỰC TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG TRÌNH ĐỘ BẬC 3
THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM
(ĐỢT KIỂM TRA NGÀY 03/8/2025)**

TT	Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
1	18601002	B001	Y Khôi	Adrong	04/03/2000	Nam	6.5	7.0	9.0	7.0	29.5	7.38	Đạt
2	19307001	B002	Ksor	Alul	14/04/2001	Nam	6.5	7.5	9.0	5.0	28.0	7.00	Đạt
3	24301001	B003	Bùi Đăng Hoài	An	15/08/2006	Nam	8.5	7.0	10.0	9.0	34.5	8.63	Đạt
4	20305141	B004	Nguyễn Thị Thúy	An	29/12/2002	Nữ	6.0	8.0	9.0	7.5	30.5	7.63	Đạt
5	23305511	B005	Nguyễn Hồng	Ấn	08/08/1998	Nam	7.0	8.0	9.5	5.5	30.0	7.50	Đạt
6	23305501	B006	Nguyễn Ngọc Hoài	Ấn	28/12/1993	Nữ	7.5	7.0	9.0	4.5	28.0	7.00	Đạt
7	22305140	B007	Lê Hoàng Bảo	Anh	12/12/2003	Nữ	6.5	5.5	7.0	6.0	25.0	6.25	Đạt
8	23607060	B008	Lê Thị Kim	Anh	04/04/2005	Nữ	5.0	5.0	9.0	6.0	25.0	6.25	Đạt
9	24301002	B009	Lê Thị Phương	Anh	16/01/2006	Nữ	6.5	6.5	9.0	7.5	29.5	7.38	Đạt
10	23403006	B010	Nguyễn Phương	Anh	30/04/2005	Nữ	6.5	7.5	9.0	5.0	28.0	7.00	Đạt
11	24904003	B011	Trịnh Thị Lan	Anh	22/02/2006	Nữ	5.0	7.0	9.0	6.5	27.5	6.88	Đạt
12	21305005	B012	Vũ Duy	Anh	25/01/2003	Nam	7.5	5.5	9.5	6.5	29.0	7.25	Đạt
13	18410107	B013	Hồ Thị Ngọc	Ánh	10/12/2000	Nữ	5.0	7.0	9.0	4.5	25.5	6.38	Đạt
14	22601003	B014	Lê Thị Kiều Ngọc	Ánh	22/09/2004	Nữ	6.0	7.5	9.5	5.0	28.0	7.00	Đạt
15	23406007	B015	Trần Thị Ngọc	Ánh	01/09/2005	Nữ	6.5	7.0	9.0	7.0	29.5	7.38	Đạt
16	21403008	B016	Trình Phương	Ấu	20/03/2003	Nữ	5.5	5.0	9.0	6.5	26.0	6.50	Đạt
17	24904004	B017	H'trúc	Ayun	14/02/2006	Nữ	6.5	6.5	7.5	7.0	27.5	6.88	Đạt
18	19309004	B018	H La Na	Ayün	25/06/2001	Nữ	7.5	7.5	9.0	7.0	31.0	7.75	Đạt
19	22305007	B019	Hồ Hồng	Băng	03/11/2004	Nữ	6.0	7.0	9.0	6.0	28.0	7.00	Đạt
20	19307364	B020	Dương Ngọc	Bảo	13/03/2000	Nam	6.5	7.0	9.0	4.5	27.0	6.75	Đạt
21	23305502	B021	Hà Quốc	Bảo	20/02/2000	Nam	7.0	6.0	9.5	5.5	28.0	7.00	Đạt
22	22413004	B022	Nguyễn Thanh	Bảo	04/09/2004	Nam	6.5	5.0	6.0	6.0	23.5	5.88	Đạt
23	20607002	B023	H Trừ	Bdap	06/07/2002	Nữ	5.0	6.0	8.5	7.0	26.5	6.63	Đạt
24	22411001	B024	Đàm Thị	Bích	21/08/2002	Nữ	1.0	5.0	9.0	4.0	19.0	4.75	Không đạt
25	15102002	B025	Bùi Quang	Bình	10/09/1997	Nam	7.5	7.0	9.0	6.5	30.0	7.50	Đạt
26	22105001	B026	Châu Phạm Y	Bình	10/07/2004	Nam	8.0	7.0	8.0	5.0	28.0	7.00	Đạt
27	21406008	B027	Nguyễn Tú	Bình	02/10/2003	Nữ	6.5	6.5	9.0	7.0	29.0	7.25	Đạt
28	20410007	B028	Trương Thị Thanh	Bình	18/03/2002	Nữ	5.5	6.5	9.0	3.0	24.0	6.00	Đạt
29	22605028	B029	Y Hên	Bkrông	26/08/2002	Nam	4.0	7.0	9.0	4.5	24.5	6.13	Đạt
30	20901036	B030	Y Hồ	Bkrông	12/05/2000	Nam	4.0	7.5	9.5	1.0	22.0	5.50	Đạt
31	23605501	B031	Y Khương	Bkrông	01/03/1985	Nam	8.0	6.5	9.0	1.0	24.5	6.13	Đạt
32	22608001	B032	Y- Sa La Mong	Bkrông	19/04/2004	Nam	5.0	5.0	9.0	5.5	24.5	6.13	Đạt

TT	Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
33	21410011	B033	Y Luynh	Bya	21/10/2003	Nam	5.0	5.0	9.0	6.0	25.0	6.25	Đạt
34	20605004	B034	Y Chuyên	Byă	02/11/2002	Nam	5.0	6.5	9.0	6.0	26.5	6.63	Đạt
35	20402160	B035	Y- Mal	Byă	07/08/2002	Nam	6.5	3.0	9.0	5.0	23.5	5.88	Đạt
36	20410231	B036	Lê Thị Diễm	Chi	04/02/2002	Nữ	6.5	5.0	8.0	5.5	25.0	6.25	Đạt
37	24904007	B037	Nguyễn Thị Mai	Chi	15/02/2006	Nữ	4.0	5.0	8.0	7.5	24.5	6.13	Đạt
38	20903018	B038	Vũ Thị Kim	Chi	26/11/2002	Nữ	5.0	5.0	7.0	6.5	23.5	5.88	Đạt
39	21412101	B039	Nguyễn Đức	Chiến	05/04/2003	Nam							Vắng
40	23101001	B040	Thái Thanh	Chiêu	28/11/2005	Nam	5.0	6.5	9.0	7.0	27.5	6.88	Đạt
41	22404003	B041	Võ Đức	Chuyên	17/01/2004	Nam	5.0	7.5	9.0	7.5	29.0	7.25	Đạt
42	23901073	B042	K Gia	Cốp	29/11/2005	Nam	6.0	8.5	9.0	7.0	30.5	7.63	Đạt
43	20307267	B043	Thạch Thị Ngọc	Cúc	20/07/2001	Nữ	7.0	8.5	8.0	6.5	30.0	7.50	Đạt
44	22305503	B044	Cao	Đại	20/09/1994	Nam	6.5	5.0	9.0	8.0	28.5	7.13	Đạt
45	20307269	B045	Vạn Ngọc Hải	Đăng	10/01/2000	Nam							Vắng
46	15606077	B046	H' Yim Buôn	Dap	14/07/1996	Nữ	6.0	5.0	7.0	7.5	25.5	6.38	Đạt
47	22105014	B047	Trần Chí	Đạt	30/11/2003	Nam	5.0	5.0	7.5	3.0	20.5	5.13	Đạt
48	23305526	B048	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	29/09/2005	Nữ	7.0	7.0	9.0	7.0	30.0	7.50	Đạt
49	23101003	B049	Lê Đặng Ngọc	Diệp	02/11/2005	Nữ	8.0	5.0	6.5	8.0	27.5	6.88	Đạt
50	23102005	B050	Phương Thị Hương	Diệu	14/06/2005	Nữ	6.0	7.0	9.0	7.5	29.5	7.38	Đạt
51	22608002	B051	Y' Ry Gón Long	Dìng	23/05/2002	Nam	6.0	8.5	8.5	4.0	27.0	6.75	Đạt
52	20101015	B052	Trần Văn	Định	11/03/2002	Nam	7.5	4.5	9.0	7.0	28.0	7.00	Đạt
53	22305504	B053	Châu Văn	Đồng	25/01/1993	Nam	6.5	5.0	9.0	6.5	27.0	6.75	Đạt
54	22902006	B054	H- Doanh	Du	26/10/2004	Nữ							Vắng
55	21410018	B055	Lưu Văn	Đức	17/12/2003	Nam	3.5	8.0	9.0	4.5	25.0	6.25	Đạt
56	21101018	B056	Phan Minh	Đức	10/04/2003	Nam							Vắng
57	24305505	B057	Huỳnh Thị Thùy	Dung	28/09/2001	Nữ	6.0	8.0	9.0	6.5	29.5	7.38	Đạt
58	22608011	B058	Bùi Minh	Dũng	20/01/2004	Nam	6.0	8.0	9.0	5.0	28.0	7.00	Đạt
59	21406015	B059	Trịnh Bá	Dũng	13/08/1999	Nam	6.5	8.0	9.0	7.5	31.0	7.75	Đạt
60	22902008	B060	H Tép Si	Đứng	30/04/2003	Nữ							Vắng
61	20302018	B061	Lâm Thế	Dương	20/04/1999	Nam	5.0	5.0	7.0	3.5	20.5	5.13	Đạt
62	23901011	B062	Lý Thùy	Dương	17/11/2005	Nữ	6.0	7.0	8.5	7.0	28.5	7.13	Đạt
63	21403023	B063	Nguyễn Thuỳ	Dương	15/03/2003	Nữ	6.0	7.0	9.0	7.5	29.5	7.38	Đạt
64	24305506	B064	A	Duy	14/01/2003	Nam	6.0	7.5	9.0	8.0	30.5	7.63	Đạt
65	24305507	B065	Ma Văn	Duy	11/02/2005	Nam	5.0	7.5	9.0	4.5	26.0	6.50	Đạt
66	20605005	B066	Nguyễn Tiến	Duy	10/02/2002	Nam	5.0	7.5	9.0	3.0	24.5	6.13	Đạt
67	23101004	B067	Đỗ Thị Mỹ	Duyên	05/03/2000	Nữ	7.5	7.5	9.0	6.5	30.5	7.63	Đạt
68	22305012	B068	Đỗ Thị Mỹ	Duyên	20/06/2004	Nữ	6.0	7.5	9.5	6.0	29.0	7.25	Đạt
69	21403017	B069	Dương Thị Mỹ	Duyên	09/08/2003	Nữ	6.0	5.0	8.0	5.5	24.5	6.13	Đạt
70	24904008	B070	Nguyễn Đình Khánh	Duyên	02/04/2006	Nữ	6.0	5.0	9.0	6.5	26.5	6.63	Đạt
71	23601003	B071	Nguyễn Thị Thùy	Duyên	22/07/2005	Nữ	2.0	7.0	8.5	7.0	24.5	6.13	Đạt
72	23305019	B072	Phan Mỹ	Duyên	22/06/2004	Nữ	2.0	7.5	9.0	4.0	22.5	5.63	Đạt

TT	Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
73	20307062	B073	Trần Thị Mỹ	Duyên	29/06/2002	Nữ							Hoàn thi
74	22607041	B074	H Kuc	Êban	17/03/2003	Nữ	2.0	7.5	9.0	7.5	26.0	6.50	Đạt
75	23305529	B075	Hoàng Tú	Giang	28/04/2004	Nữ	5.0	7.5	9.5	6.0	28.0	7.00	Đạt
76	23403026	B076	Nguyễn Thị Hương	Giang	02/09/2005	Nữ	8.5	6.0	9.0	6.0	29.5	7.38	Đạt
77	22410015	B077	Trần Thảo Linh	Giang	28/10/2004	Nữ	2.0	5.0	9.0	6.5	22.5	5.63	Đạt
78	23410035	B078	Chu Thị	Hà	25/07/2004	Nữ	9.0	4.5	7.5	7.5	28.5	7.13	Đạt
79	20403176	B079	Đặng Thị Bích	Hà	24/03/2002	Nữ	2.0	7.0	9.5	6.5	25.0	6.25	Đạt
80	12307227	B080	Dương Xuân	Hà	13/11/1994	Nam	6.5	7.0	9.5	7.0	30.0	7.50	Đạt
81	23305513	B081	Lê Thị Thanh Đăng	Hà	16/03/1985	Nữ	6.5	7.0	9.0	4.0	26.5	6.63	Đạt
82	22305019	B082	Nguyễn Đình	Hà	06/04/2004	Nam	4.0	7.0	8.5	6.0	25.5	6.38	Đạt
83	21305030	B083	Hồ Thị Lệ	Hải	24/09/2003	Nữ	5.5	7.5	9.0	6.5	28.5	7.13	Đạt
84	24307057	B084	Nguyễn Thị Hồng	Hải	05/06/2006	Nữ	8.0	5.5	8.5	6.5	28.5	7.13	Đạt
85	17304009	B085	Nguyễn Văn	Hải	10/02/1999	Nam	6.0	6.5	8.5	7.5	28.5	7.13	Đạt
86	23305503	B086	Lê Thị Thanh	Hằng	07/04/1995	Nữ	9.0	4.5	9.0	7.0	29.5	7.38	Đạt
87	20410031	B087	Phạm Thị Thanh	Hằng	02/01/2001	Nữ	4.0	7.0	9.0	6.0	26.0	6.50	Đạt
88	23410038	B088	Võ Thị Thúy	Hằng	29/06/2004	Nữ	9.5	7.5	9.0	7.5	33.5	8.38	Đạt
89	13601017	B089	Lò Thị	Hạnh	06/07/1994	Nữ	5.0	7.5	9.5	7.0	29.0	7.25	Đạt
90	20305029	B090	Trương Phan Hoàng	Hào	19/02/2002	Nam	5.0	7.5	9.0	6.5	28.0	7.00	Đạt
91	22305020	B091	Hồ Thị Phúc	Hậu	31/08/2004	Nữ	5.0	7.0	9.0	7.5	28.5	7.13	Đạt
92	22402023	B092	Hoàng Thị Mỹ	Hậu	29/03/2004	Nữ	6.0	6.0	8.5	8.0	28.5	7.13	Đạt
93	22403037	B093	Nguyễn Thị Thanh	Hậu	18/01/2004	Nữ	7.0	7.0	9.0	7.5	30.5	7.63	Đạt
94	21413062	B094	Trần Thị Bích	Hậu	27/02/2003	Nữ	4.0	7.0	9.0	6.0	26.0	6.50	Đạt
95	22309046	B095	Ka	Hè	11/04/2003	Nữ	5.5	7.0	6.5	7.0	26.0	6.50	Đạt
96	24305514	B096	Nguyễn Thị	Hiền	07/07/1993	Nữ	5.0	7.0	9.5	7.5	29.0	7.25	Đạt
97	21305227	B097	Nguyễn Chí	Hiếu	13/09/2003	Nam	6.5	7.0	9.0	5.5	28.0	7.00	Đạt
98	23903021	B098	Nguyễn Thị Minh	Hiếu	31/07/2005	Nữ	8.0	7.5	9.5	7.5	32.5	8.13	Đạt
99	23305516	B099	Nguyễn Trung	Hiếu	20/12/1981	Nam	5.0	7.0	9.0	5.0	26.0	6.50	Đạt
100	22305508	B100	Nguyễn Thị	Hoa	06/08/1996	Nữ	5.0	7.0	9.0	7.0	28.0	7.00	Đạt
101	22406016	B101	Phạm Kim	Hoa	05/08/2004	Nữ	8.0	4.0	9.0	6.5	27.5	6.88	Đạt
102	23305517	B102	Nguyễn Quang	Hòa	23/07/1994	Nam	6.0	5.0	9.0	7.0	27.0	6.75	Đạt
103	21403040	B103	Phạm Thị Thanh	Hoài	01/01/2003	Nữ	7.0	5.0	7.0	6.0	25.0	6.25	Đạt
104	23305504	B104	Bùi Đức	Hoàng	02/01/1994	Nam	7.0	7.0	9.5	7.0	30.5	7.63	Đạt
105	21406030	B105	Đặng Bá	Hoàng	14/12/2000	Nam							Vắng
106	20403298	B106	Lê Phi Bảo	Hoàng	28/05/2002	Nam	7.5	6.0	9.0	6.0	28.5	7.13	Đạt
107	23305505	B107	Lê Văn	Hoàng	30/05/1983	Nam	7.0	7.5	3.0	5.0	22.5	5.63	Đạt
108	22605006	B108	Nguyễn Thọ	Hoàng	14/05/2001	Nam	5.5	8.0	9.5	7.0	30.0	7.50	Đạt
109	21406031	B109	Trần Nguyễn	Hoàng	16/01/2003	Nam	4.0	8.0	9.0	7.5	28.5	7.13	Đạt
110	23305518	B110	Lê Văn	Hồng	01/10/1989	Nam	7.0	6.5	9.0	5.5	28.0	7.00	Đạt
111	20307011	B111	Thạch Thị Xuân	Hồng	16/04/2002	Nữ	7.0	7.5	7.5	7.5	29.5	7.38	Đạt
112	22305510	B112	Đào Xuân	Hùng	28/01/1994	Nam	7.0	7.0	7.0	4.5	25.5	6.38	Đạt

TT	Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
113	20307095	B113	Mã Phi	Hùng	14/05/2002	Nam	7.5	5.0	9.0	6.5	28.0	7.00	Đạt
114	20305206	B114	Nguyễn Quốc	Hùng	22/11/2002	Nam	2.5	7.5	9.5	5.5	25.0	6.25	Đạt
115	22413032	B115	Nguyễn Văn	Hùng	27/11/2004	Nam							Vắng
116	23101011	B116	Trần Thị	Hương	12/01/2005	Nữ	8.0	7.0	9.0	7.5	31.5	7.88	Đạt
117	20307012	B117	Trần Thị Lan	Hương	20/01/2002	Nữ	6.0	4.5	7.0	6.5	24.0	6.00	Đạt
118	23305547	B118	Nguyễn Hồ Thanh	Huy	18/10/1997	Nam	7.0	5.5	9.0	7.0	28.5	7.13	Đạt
119	21307098	B119	Nguyễn Quang	Huy	16/04/2003	Nam	8.5	4.5	7.0	7.5	27.5	6.88	Đạt
120	23402042	B120	Đào Thị	Huyền	14/02/2005	Nữ	7.0	7.0	6.0	7.5	27.5	6.88	Đạt
121	22401005	B121	Mai Thị Thanh	Huyền	12/01/2004	Nữ	3.0	7.0	9.0	6.5	25.5	6.38	Đạt
122	21104041	B122	Nguyễn Thị Mai	Huyền	20/10/2003	Nữ	3.5	7.0	9.5	4.0	24.0	6.00	Đạt
123	22410111	B123	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	01/09/2004	Nữ	4.0	7.0	9.0	4.0	24.0	6.00	Đạt
124	21410175	B124	Phan Thanh	Huyền	22/09/2003	Nữ	3.0	7.0	9.5	7.5	27.0	6.75	Đạt
125	22402036	B125	Trần Thanh	Huyền	20/05/2004	Nữ	8.0	7.0	9.5	8.0	32.5	8.13	Đạt
126	20902038	B126	Y Xuân Niê	Kdăm	25/03/2002	Nam	4.0	7.0	7.0	0.5	18.5	4.63	Không đạt
127	21601050	B127	H Rang	Kđoh	27/02/2003	Nữ	5.5	7.0	4.5	5.5	22.5	5.63	Đạt
128	21601051	B128	H Rung	Kđoh	27/02/2003	Nữ	7.0	7.0	4.5	3.0	21.5	5.38	Đạt
129	21101029	B129	Hà Thế	Kha	12/06/2003	Nam	4.0	4.5	8.5	6.5	23.5	5.88	Đạt
130	24305515	B130	Lê Công	Khánh	13/01/1997	Nam	7.0	6.0	8.0	5.5	26.5	6.63	Đạt
131	20305158	B131	Ngô Quốc	Khánh	18/02/2002	Nam	3.0	6.5	7.0	6.0	22.5	5.63	Đạt
132	23412020	B132	Nguyễn Quốc	Khánh	25/09/2005	Nam	8.0	5.5	9.0	7.5	30.0	7.50	Đạt
133	21404016	B133	Nguyễn Vương Ngọc	Khánh	23/05/2003	Nữ	7.5	3.0	5.5	7.5	23.5	5.88	Đạt
134	20305047	B134	Phan Quốc	Khánh	25/01/2002	Nam	8.0	3.5	7.5	3.0	22.0	5.50	Đạt
135	22305511	B135	Vũ Duy	Khánh	05/04/2001	Nam	8.5	7.0	9.5	6.0	31.0	7.75	Đạt
136	20307282	B136	Lâm Tuấn	Kiệt	13/03/2001	Nam	3.0	5.5	6.0	5.5	20.0	5.00	Đạt
137	21412026	B137	Nguyễn Tuấn	Kiệt	01/01/2003	Nam	7.0	3.0	8.5	4.5	23.0	5.75	Đạt
138	21305060	B138	Bùi Thị	Kiều	05/11/2003	Nữ	5.0	4.5	7.5	6.0	23.0	5.75	Đạt
139	22903033	B139	H' Ru	Kmăn	25/08/2004	Nữ							Vắng
140	20901082	B140	Y Yê Rê Mi	Knul	24/04/2002	Nam							Vắng
141	20601085	B141	H Lin	Ksor	24/08/2001	Nữ	2.5	8.0	7.0	6.5	24.0	6.00	Đạt
142	21607069	B142	H' Rìn	Ktla	14/09/2003	Nữ	1.0	7.0	8.0	1.0	17.0	4.25	Không đạt
143	22406022	B143	H' Sura	Ktla	07/12/2003	Nữ	4.5	8.0	9.0	8.0	29.5	7.38	Đạt
144	23601010	B144	Nguyễn Thị Vi	Lai	02/12/2005	Nữ	8.5	7.5	5.0	7.0	28.0	7.00	Đạt
145	23105011	B145	Nguyễn Nhi	Lam	03/07/2005	Nữ	5.5	8.5	9.0	6.0	29.0	7.25	Đạt
146	21307118	B146	Ngô Thị Ngọc	Lan	28/01/2003	Nữ	7.0	8.0	8.5	6.5	30.0	7.50	Đạt
147	22305149	B147	Hoàng Thị Mỹ	Lành	10/09/2003	Nữ	2.0	7.5	7.5	6.0	23.0	5.75	Đạt
148	21410050	B148	Bùi Thùy	Linh	29/05/2003	Nữ	4.0	8.5	8.0	4.5	25.0	6.25	Đạt
149	24305518	B149	Hồ Thị	Linh	10/10/1987	Nữ	6.0	8.0	8.0	6.0	28.0	7.00	Đạt
150	22403056	B150	Hoàng Thị Thùy	Linh	30/11/2004	Nữ	5.0	8.0	9.0	5.5	27.5	6.88	Đạt
151	20410237	B151	Lê Thị Nhật	Linh	08/09/2002	Nữ	4.0	8.0	5.5	6.5	24.0	6.00	Đạt
152	21601060	B152	Mai Thái Ngọc	Linh	26/07/2003	Nữ	5.0	8.5	8.0	7.5	29.0	7.25	Đạt

TT	Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
153	24307114	B153	Nguyễn Thị	Linh	20/10/2006	Nữ	5.0	8.0	8.5	6.5	28.0	7.00	Đạt
154	22406024	B154	Phùng Thị Linh	Linh	16/11/2004	Nữ	6.0	8.0	7.5	5.0	26.5	6.63	Đạt
155	23410055	B155	Thái Thùy	Linh	06/08/2005	Nữ	5.0	8.0	4.0	6.5	23.5	5.88	Đạt
156	20305054	B156	Trương Khánh	Linh	04/11/2002	Nữ	2.0	8.0	9.0	1.5	20.5	5.13	Đạt
157	23902017	B157	Siu	Loan	01/01/2003	Nữ	4.5	8.0	7.5	4.5	24.5	6.13	Đạt
158	24305520	B158	Nguyễn Hiếu Phước	Lộc	10/08/2005	Nam	6.0	8.0	6.5	7.0	27.5	6.88	Đạt
159	21410053	B159	Đậu Phi	Long	20/07/2002	Nam	4.5	6.5	7.0	4.5	22.5	5.63	Đạt
160	22403059	B160	Hoàng Phi	Long	14/10/2004	Nam	1.0	5.0	4.0	4.5	14.5	3.63	Không đạt
161	22406026	B161	Nguyễn Hoàng	Long	19/05/2004	Nam	4.5	8.0	9.0	3.0	24.5	6.13	Đạt
162	22410038	B162	Trần Thành	Long	27/06/2004	Nam	8.0	8.0	7.0	5.5	28.5	7.13	Đạt
163	18302016	B163	H Luyn	Luk	05/04/1999	Nữ	5.0	4.0	8.5	7.0	24.5	6.13	Đạt
164	24902025	B164	Thị	Lung	10/11/2004	Nữ	6.0	8.0	8.5	6.5	29.0	7.25	Đạt
165	20304011	B165	Văn Võ Đức	Lương	23/11/1999	Nam	6.5	7.0	9.5	4.0	27.0	6.75	Đạt
166	22313005	B166	Nguyễn Thị	Luyến	22/07/2003	Nữ	2.5	7.0	8.0	6.5	24.0	6.00	Đạt
167	22305514	B167	Võ Huỳnh Gia	Lý	05/11/1996	Nam	6.0	5.0	9.5	4.0	24.5	6.13	Đạt
168	21601066	B168	Vũ Ngọc	Lý	02/03/2003	Nữ	3.0	8.0	9.0	4.5	24.5	6.13	Đạt
169	20403199	B169	Bùi Thị	Mai	28/06/2002	Nữ	2.0	8.0	9.0	4.0	23.0	5.75	Đạt
170	22902016	B170	Ngô Ngọc	Mai	06/06/2004	Nữ	2.0	8.0	9.0	7.0	26.0	6.50	Đạt
171	22301015	B171	Trần Vũ Ngọc	Mai	06/10/2004	Nữ	2.0	8.0	7.0	6.5	23.5	5.88	Đạt
172	23305534	B172	Lang Đức	Mạnh	13/06/2003	Nam	6.0	8.0	9.0	6.5	29.5	7.38	Đạt
173	22403062	B173	Phạm Thị	Mây	08/03/2004	Nữ	6.5	6.0	9.5	4.5	26.5	6.63	Đạt
174	20305061	B174	Nguyễn Nhật	Minh	11/11/2001	Nam	6.0	7.0	9.5	6.5	29.0	7.25	Đạt
175	23410060	B175	Nguyễn Quang	Minh	19/09/2005	Nam	5.0	7.0	7.0	6.5	25.5	6.38	Đạt
176	22903037	B176	H ' Kim Tha	Miêu	15/06/2004	Nữ	3.0	7.0	9.5	5.0	24.5	6.13	Đạt
177	22903038	B177	H Ráp	Miêu	14/04/2004	Nữ	5.5	7.0	7.0	7.0	26.5	6.63	Đạt
178	20903061	B178	H Thảo	Miêu	26/05/2002	Nữ	3.0	7.0	9.5	4.0	23.5	5.88	Đạt
179	20605006	B179	H Thu	Miêu	21/04/2002	Nữ	5.0	6.5	9.5	6.0	27.0	6.75	Đạt
180	22607045	B180	H' Trúc	Miêu	19/07/2004	Nữ	5.0	7.0	9.5	4.5	26.0	6.50	Đạt
181	23305535	B181	Dương A	Múi	17/11/2003	Nữ	6.5	7.5	9.0	7.0	30.0	7.50	Đạt
182	23601015	B182	Nguyễn Thị Trà	My	05/09/2005	Nữ	7.0	7.5	9.0	4.0	27.5	6.88	Đạt
183	23901035	B183	Phạm Thị Kiều	My	04/07/2005	Nữ	3.5	7.0	7.0	7.0	24.5	6.13	Đạt
184	22413036	B184	Trần Thanh Trà	My	09/10/2004	Nữ	4.5	5.0	7.0	5.0	21.5	5.38	Đạt
185	21403518	B185	Triệu Văn	Mỹ	10/05/1991	Nam	4.0	7.0	9.5	5.0	25.5	6.38	Đạt
186	22607020	B186	Đỗ Huyền Diệu	Na	28/01/2004	Nữ	7.0	7.0	7.0	7.0	28.0	7.00	Đạt
187	22305153	B187	Dụng Thị My	Na	18/02/2003	Nữ	5.0	7.0	7.0	5.5	24.5	6.13	Đạt
188	22309021	B188	Nguyễn Thị Lê	Na	23/06/2004	Nữ	5.5	7.0	7.0	7.5	27.0	6.75	Đạt
189	21601070	B189	Trần Ayün Y	Nam	23/09/2003	Nam	3.0	7.0	6.0	6.0	22.0	5.50	Đạt
190	24305522	B190	Trần Văn	Nam	13/09/1988	Nam							Vắng
191	22402069	B191	Lê Thị	Nga	26/10/2004	Nữ	5.0	7.0	8.0	6.0	26.0	6.50	Đạt
192	21406069	B192	Nguyễn Thị Thanh	Nga	03/05/2002	Nữ	4.5	7.0	7.0	6.5	25.0	6.25	Đạt

TT	Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
193	21305097	B193	Vũ Thị Hồng	Nga	29/08/2003	Nữ	7.5	6.0	9.0	6.0	28.5	7.13	Đạt
194	21104008	B194	H	Ngân	21/01/2003	Nữ	6.5	7.0	7.0	7.0	27.5	6.88	Đạt
195	23305069	B195	Liêu Nguyễn Bảo	Ngân	20/05/2005	Nữ	7.5	7.0	9.0	6.5	30.0	7.50	Đạt
196	20311023	B196	Thiên Nữ Kim	Ngân	16/01/2002	Nữ	3.0	7.0	9.0	7.0	26.0	6.50	Đạt
197	24305523	B197	Trần Kim	Ngân	10/09/1992	Nam							Vắng
198	21403081	B198	Trần Thị Kim	Ngân	18/01/2002	Nữ	6.0	7.0	9.0	8.0	30.0	7.50	Đạt
199	22413037	B199	Nguyễn Thị Minh	Nghĩa	08/08/2004	Nữ	4.5	6.0	7.0	5.0	22.5	5.63	Đạt
200	22103041	B200	Cao Huy	Ngọ	04/01/2004	Nam	4.5	7.0	8.5	5.0	25.0	6.25	Đạt
201	22305055	B201	Lê Thị	Ngọc	18/12/2003	Nữ	0.0	7.0	7.5	8.5	23.0	5.75	Không đạt
202	21311020	B202	Lê Thị Hồng	Ngọc	13/02/2003	Nữ	4.5	7.0	7.5	6.0	25.0	6.25	Đạt
203	24305524	B203	Nguyễn Văn	Ngọc	27/01/1992	Nam	6.5	7.0	7.0	5.5	26.0	6.50	Đạt
204	23604009	B204	Trần Dương Thủy	Ngọc	02/10/2005	Nữ	6.5	7.0	7.0	7.0	27.5	6.88	Đạt
205	21401027	B205	Bùi Như Anh	Nguyên	02/09/2003	Nữ	7.5	6.5	9.0	5.5	28.5	7.13	Đạt
206	21305210	B206	Nguyễn Thành Nam	Nguyên	01/01/2003	Nam	7.5	6.5	3.5	6.0	23.5	5.88	Đạt
207	23412037	B207	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	19/01/2005	Nữ	7.0	7.5	9.0	7.5	31.0	7.75	Đạt
208	23902021	B208	Mbon Mỹ	Nguyệt	11/09/2005	Nữ							Vắng
209	23305520	B209	Nguyễn Thị	Nguyệt	26/04/1994	Nữ	5.0	8.5	8.5	8.0	30.0	7.50	Đạt
210	19305093	B210	Nguyễn Thị Minh	Nhã	04/09/2001	Nữ	7.5	8.0	9.0	7.5	32.0	8.00	Đạt
211	23406030	B211	Cao Trần Xuân	Nhân	01/01/2005	Nam	7.5	7.0	9.0	8.0	31.5	7.88	Đạt
212	22103047	B212	Võ Thành	Nhân	23/04/2004	Nam	9.0	5.0	9.0	4.5	27.5	6.88	Đạt
213	23604010	B213	Lê Thanh	Nhân	21/03/2005	Nữ	6.0	8.5	9.0	5.0	28.5	7.13	Đạt
214	21403237	B214	Đoàn Tô Cát	Nhật	01/01/2003	Nữ	3.0	8.5	9.0	7.0	27.5	6.88	Đạt
215	22105018	B215	Hồ Tấn	Nhật	12/02/2004	Nam	7.5	7.5	7.5	3.0	25.5	6.38	Đạt
216	20307288	B216	Kiều Hoàng	Nhật	24/06/2001	Nam	6.5	8.0	8.5	5.5	28.5	7.13	Đạt
217	21305109	B217	Phạm Huy	Nhật	13/09/2003	Nam	6.0	8.0	9.0	4.0	27.0	6.75	Đạt
218	20305075	B218	Bùi Thị Ngọc	Nhi	01/09/2002	Nữ	6.0	8.0	9.0	6.0	29.0	7.25	Đạt
219	21601129	B219	Hà Đình Lệ	Nhi	07/11/2002	Nữ	4.0	7.5	9.0	7.0	27.5	6.88	Đạt
220	23102012	B220	Nguyễn Phạm Hoài	Nhi	02/02/2005	Nữ	7.5	8.0	9.0	6.0	30.5	7.63	Đạt
221	24305527	B221	Nguyễn Thị Ý	Nhi	27/09/1995	Nữ	6.5	7.5	9.0	7.0	30.0	7.50	Đạt
222	22604009	B222	Nguyễn Vương Uyên	Nhi	10/02/2004	Nữ	4.5	4.0	5.0	5.0	18.5	4.63	Không đạt
223	23601016	B223	Phạm Ngọc Yến	Nhi	15/12/2005	Nữ	6.0	7.5	8.5	7.0	29.0	7.25	Đạt
224	20411028	B224	Phan Hoàng Yến	Nhi	27/11/2002	Nữ	4.0	8.0	9.0	5.0	26.0	6.50	Đạt
225	21404023	B225	Trần Lộc Thảo	Nhi	29/04/2003	Nữ	3.5	7.5	9.0	6.0	26.0	6.50	Đạt
226	21305257	B226	Trịnh Châu	Nhi	06/11/2003	Nữ	5.0	8.0	9.0	6.5	28.5	7.13	Đạt
227	22413040	B227	Đặng Tiên	Nho	07/09/2004	Nam							Vắng
228	21305112	B228	Bùi Thị Hồng	Như	19/06/2003	Nữ	4.5	7.0	9.0	4.0	24.5	6.13	Đạt
229	20403090	B229	Đàm Tuyết	Như	20/04/2002	Nữ	5.5	7.5	9.0	3.0	25.0	6.25	Đạt
230	24410089	B230	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	20/03/2006	Nữ	5.5	8.0	9.0	8.0	30.5	7.63	Đạt
231	22305068	B231	Nguyễn Trần Thị	Như	14/05/2004	Nữ	5.0	7.0	9.0	6.0	27.0	6.75	Đạt
232	23305536	B232	Đoàn Hồ Hồng	Nhung	23/05/1997	Nữ	5.5	7.0	9.0	7.0	28.5	7.13	Đạt

TT	Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
233	21403103	B233	Dương Thị Hồng	Nhung	14/01/2002	Nữ	4.0	7.5	9.5	2.5	23.5	5.88	Đạt
234	23412043	B234	Quách Thị Trang	Nhung	16/12/2005	Nữ	7.0	5.5	3.5	7.0	23.0	5.75	Đạt
235	20307290	B235	H Bul	Niê	23/10/2001	Nữ	5.5	7.0	9.0	7.5	29.0	7.25	Đạt
236	22903054	B236	H' Diệp	Niê	25/05/2004	Nữ	7.0	7.5	9.0	7.0	30.5	7.63	Đạt
237	20309020	B237	H Hằng	Niê	20/11/2000	Nữ	4.0	7.0	8.0	4.5	23.5	5.88	Đạt
238	15606043	B238	H Ngang	Niê	15/03/1996	Nữ	5.0	7.0	9.0	4.0	25.0	6.25	Đạt
239	20902018	B239	H' Nhip	Niê	20/07/2002	Nữ	6.0	8.0	9.0	6.0	29.0	7.25	Đạt
240	22305517	B240	H Như	Niê	01/01/2004	Nữ	5.0	8.5	9.5	7.0	30.0	7.50	Đạt
241	22903096	B241	H Niêm	Niê	27/02/2004	Nữ	4.5	7.0	9.0	7.0	27.5	6.88	Đạt
242	23601017	B242	H Tuyết	Niê	10/07/2005	Nữ	7.5	7.0	7.0	8.5	30.0	7.50	Đạt
243	20406196	B243	H' Uyên	Niê	09/01/2002	Nữ	3.0	7.5	9.0	7.5	27.0	6.75	Đạt
244	20607051	B244	H Vân	Niê	20/02/2002	Nữ	5.0	7.5	9.0	7.5	29.0	7.25	Đạt
245	20307168	B245	Lê Mai	Niê	26/08/2002	Nữ	6.0	8.0	9.0	6.5	29.5	7.38	Đạt
246	22604012	B246	Y - Đa Vit -	Niê	27/05/2004	Nam	5.0	7.5	9.5	3.5	25.5	6.38	Đạt
247	22305071	B247	Phạm Trung	Niên	05/07/2003	Nam	5.5	8.0	9.0	5.5	28.0	7.00	Đạt
248	22305518	B248	Phan Thị Mỹ	Oanh	03/03/1998	Nữ	5.5	7.5	7.5	8.0	28.5	7.13	Đạt
249	22410057	B249	Lê Võ Trung	Phát	07/05/2004	Nam	4.5	8.0	9.5	5.5	27.5	6.88	Đạt
250	20305227	B250	Đặng Hoàng	Phi	29/10/2002	Nam	5.0	7.0	5.0	7.5	24.5	6.13	Đạt
251	21410079	B251	Bùi Xuân	Phong	27/10/2003	Nam	5.0	7.5	9.5	6.0	28.0	7.00	Đạt
252	20403096	B252	Phạm Thanh	Phong	22/12/1999	Nam	3.0	7.0	9.0	7.0	26.0	6.50	Đạt
253	21412050	B253	Phan Kim	Phong	28/10/2003	Nam	4.5	7.5	8.0	7.0	27.0	6.75	Đạt
254	22605014	B254	Kon Sa Ha	Phúc	29/09/2004	Nam							Vắng
255	21305322	B255	Lê Sinh	Phúc	01/01/2003	Nam	7.0	7.5	9.0	8.0	31.5	7.88	Đạt
256	24305529	B256	Đoàn Thị	Phương	20/07/1985	Nữ	6.5	7.5	9.0	8.0	31.0	7.75	Đạt
257	21607022	B257	Nguyễn Minh Kiều	Phương	12/11/2003	Nữ	6.5	8.0	8.5	7.0	30.0	7.50	Đạt
258	23305507	B258	Nguyễn Ngọc Minh	Phương	08/02/1999	Nữ	6.0	8.0	9.0	7.5	30.5	7.63	Đạt
259	24904026	B259	Nguyễn Thị	Phương	02/06/2006	Nữ	7.5	7.5	8.5	8.0	31.5	7.88	Đạt
260	22413045	B260	Nguyễn Thu	Phương	24/04/2004	Nữ	5.0	7.5	9.0	7.0	28.5	7.13	Đạt
261	22305156	B261	Nông Thị Mai	Phương	09/01/2004	Nữ	6.0	8.0	9.0	7.5	30.5	7.63	Đạt
262	23305537	B262	Lăng Thị	Phượng	01/07/2003	Nữ	6.0	7.5	9.0	6.5	29.0	7.25	Đạt
263	22413013	B263	Lê Anh	Quân	06/10/2004	Nam	7.0	7.0	9.0	6.5	29.5	7.38	Đạt
264	12102059	B264	Nay	Quang	10/11/1990	Nam	5.0	7.5	9.0	6.5	28.0	7.00	Đạt
265	23305508	B265	Nguyễn Quốc	Quang	28/09/1995	Nam	6.0	6.5	9.0	6.5	28.0	7.00	Đạt
266	20305169	B266	Trần Trung	Quốc	05/06/2002	Nam	6.5	8.0	9.0	8.0	31.5	7.88	Đạt
267	20403308	B267	Phạm Ngọc	Quý	07/04/2002	Nam	5.5	7.0	9.0	7.0	28.5	7.13	Đạt
268	24305530	B268	Hồ Bá	Quyên	06/12/2006	Nam	5.5	4.5	9.5	5.5	25.0	6.25	Đạt
269	24404514	B269	Nguyễn Chí	Quyết	01/06/1992	Nam	5.0	7.5	9.0	8.5	30.0	7.50	Đạt
270	21305130	B270	Đỗ Ngọc Xuân	Quỳnh	28/03/2003	Nữ							Vắng
271	23406042	B271	Lý Thị	Quỳnh	27/02/2005	Nữ	7.5	7.5	9.0	7.5	31.5	7.88	Đạt
272	20601058	B272	Nguyễn Thanh	Quỳnh	24/10/2002	Nữ	4.5	7.0	9.0	6.0	26.5	6.63	Đạt

TT	Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
273	22410133	B273	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	15/09/2004	Nữ	7.5	6.0	9.0	7.5	30.0	7.50	Đạt
274	24903129	B274	Võ Nhật	Quỳnh	28/09/2006	Nữ	5.0	7.0	9.0	6.0	27.0	6.75	Đạt
275	20304015	B275	K'	Quỳnh	11/03/2002	Nam	7.0	7.5	7.0	7.0	28.5	7.13	Đạt
276	14307465	B276	Siu	Rak	10/10/1994	Nam	5.0	7.5	9.0	2.0	23.5	5.88	Đạt
277	23101023	B277	Y. Diệu	R'ngang	01/12/2005	Nam	8.0	7.0	9.0	7.5	31.5	7.88	Đạt
278	24305532	B278	Nguyễn Thị	Sâm	01/06/1986	Nữ	7.0	7.0	9.0	4.0	27.0	6.75	Đạt
279	22305082	B279	Hoàng Văn	Sang	02/11/2004	Nam	7.0	7.5	9.0	5.0	28.5	7.13	Đạt
280	24605020	B280	Ksor	Siu	15/05/2006	Nam	5.0	7.5	7.0	6.0	25.5	6.38	Đạt
281	21307170	B281	Đàng Trường	Son	11/02/2003	Nam	5.0	7.0	8.5	5.5	26.0	6.50	Đạt
282	21305138	B282	Đặng Văn	Son	12/02/1997	Nam	3.0	7.0	7.0	7.0	24.0	6.00	Đạt
283	23305539	B283	Hoàng	Son	05/01/1996	Nam	7.0	7.0	6.5	8.5	29.0	7.25	Đạt
284	23305509	B284	Nguyễn Hồng	Son	30/03/1999	Nam	7.0	7.5	9.0	7.5	31.0	7.75	Đạt
285	21403128	B285	Trần Thị Thảo	Sương	12/12/2003	Nữ	7.0	7.0	9.5	6.5	30.0	7.50	Đạt
286	21305302	B286	Ngư Thị Sung	Sướng	12/08/2002	Nữ	7.0	7.0	8.0	7.0	29.0	7.25	Đạt
287	20307185	B287	Vi Thị	Tám	17/03/2002	Nữ	6.5	7.5	9.5	7.0	30.5	7.63	Đạt
288	20305092	B288	Nguyễn Minh	Tân	29/05/2002	Nam	4.0	7.0	7.0	7.0	25.0	6.25	Đạt
289	23403097	B289	Nguyễn Ngọc	Thạch	13/11/2005	Nam	5.0	7.0	9.0	6.0	27.0	6.75	Đạt
290	22605034	B290	Cao Anh	Thái	24/06/2004	Nam	7.0	7.0	9.0	4.5	27.5	6.88	Đạt
291	20307195	B291	Hồ Đức	Thắng	24/02/2001	Nam	8.0	7.0	5.0	7.0	27.0	6.75	Đạt
292	23403152	B292	Hoàng Thị Thanh	Thanh	24/01/2005	Nữ	5.5	7.5	6.5	6.5	26.0	6.50	Đạt
293	20307187	B293	Phùng Thị Thanh	Thanh	13/07/2002	Nữ	6.0	7.0	8.5	7.0	28.5	7.13	Đạt
294	16307213	B294	Đỗ Công	Thành	16/03/1997	Nam							Vắng
295	22305521	B295	Nguyễn Đình	Thành	20/02/1990	Nam	7.0	7.5	7.5	7.0	29.0	7.25	Đạt
296	23101027	B296	Phạm Xuân	Thành	28/07/2005	Nam	8.0	8.0	10.0	7.0	33.0	8.25	Đạt
297	24903136	B297	Trần Gia	Thành	26/12/2006	Nữ	7.5	7.0	9.0	7.5	31.0	7.75	Đạt
298	21403134	B298	Hoàng Thanh	Thảo	02/10/2003	Nữ	5.0	6.5	9.0	5.5	26.0	6.50	Đạt
299	22406041	B299	Nguyễn Phương	Thảo	02/01/2004	Nữ	7.5	7.5	9.0	7.0	31.0	7.75	Đạt
300	22410135	B300	Nguyễn Thị Kim	Thảo	25/12/2004	Nữ	6.0	7.0	9.0	2.0	24.0	6.00	Đạt
301	20403113	B301	Nguyễn Thị Thu	Thảo	30/08/2002	Nữ	6.0	7.0	9.0	5.5	27.5	6.88	Đạt
302	23105030	B302	Trần Thu	Thảo	01/05/2005	Nữ	6.5	6.5	9.0	3.0	25.0	6.25	Đạt
303	23406050	B303	Trần Vy	Thảo	25/09/2005	Nữ	7.0	7.5	9.0	6.5	30.0	7.50	Đạt
304	21403263	B304	Trịnh Thị Phương	Thảo	29/03/2003	Nữ	5.0	7.5	8.5	3.5	24.5	6.13	Đạt
305	22103065	B305	Trương Thị Thanh	Thảo	23/05/2004	Nữ	8.5	7.0	8.5	6.5	30.5	7.63	Đạt
306	22305524	B306	Nguyễn Công	Thế	28/10/1994	Nam	7.0	7.0	8.5	7.0	29.5	7.38	Đạt
307	19307235	B307	Vũ Đức	Thiện	31/01/2001	Nam	6.5	8.0	9.0	6.0	29.5	7.38	Đạt
308	22604014	B308	Rcom	Thiếu	09/06/2004	Nam	5.5	7.0	9.0	6.5	28.0	7.00	Đạt
309	22103067	B309	Bùi Đức	Thịnh	03/04/2004	Nam	5.5	6.0	9.0	5.5	26.0	6.50	Đạt
310	20305103	B310	Trần Văn	Thời	21/06/2002	Nam	4.5	6.5	9.0	5.5	25.5	6.38	Đạt
311	21305158	B311	Nguyễn Thành	Thông	18/02/1999	Nam	6.0	5.0	8.0	5.0	24.0	6.00	Đạt
312	21305326	B312	Bùi Thị Hoài	Thu	22/12/2003	Nữ	4.5	5.0	8.5	3.0	21.0	5.25	Đạt

TT	Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
313	21305328	B313	Rơ Mah	Thu	02/10/2003	Nữ	3.0	6.5	9.0	7.5	26.0	6.50	Đạt
314	22410136	B314	Lê Trần Anh	Thư	08/10/2004	Nữ	4.0	6.5	9.0	8.5	28.0	7.00	Đạt
315	21305164	B315	Ngô Quỳnh Anh	Thư	20/03/2003	Nữ	6.0	6.5	9.0	8.0	29.5	7.38	Đạt
316	21402168	B316	Phan Thị Anh	Thư	15/04/2002	Nữ	3.5	5.0	9.5	6.0	24.0	6.00	Đạt
317	22902023	B317	Lê Trịnh Hồng	Thuận	22/11/2004	Nữ	5.0	7.0	9.5	7.0	28.5	7.13	Đạt
318	21305159	B318	Phạm Minh	Thuận	15/04/2003	Nam	2.0	6.0	9.0	6.5	23.5	5.88	Đạt
319	23403155	B319	Võ Thị Kim	Thuận	13/07/2005	Nữ	4.0	6.5	9.0	6.5	26.0	6.50	Đạt
320	21305280	B320	Đoàn Bảo Ngọc Hoài	Thương	29/04/2003	Nữ	4.0	3.5	9.5	6.5	23.5	5.88	Đạt
321	22305525	B321	Nguyễn Thị Hoài	Thương	09/08/1990	Nữ	7.0	7.0	9.5	7.0	30.5	7.63	Đạt
322	22101051	B322	Nguyễn Thị Hồng	Thương	21/01/2003	Nữ	7.0	6.0	9.0	7.5	29.5	7.38	Đạt
323	21402292	B323	Trần Thị Kim	Thương	15/11/2003	Nữ	4.5	4.0	2.0	6.0	16.5	4.13	Không đạt
324	22605036	B324	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	27/05/2003	Nữ	3.0	6.0	9.0	7.0	25.0	6.25	Đạt
325	23301018	B325	Huỳnh Thị Thu	Thủy	24/01/2005	Nữ							Vắng
326	18104008	B326	Lê Phương	Thủy	19/01/2000	Nữ							Vắng
327	23104017	B327	Dương Nhật	Thy	19/02/2005	Nữ	5.5	3.5	3.0	7.0	19.0	4.75	Không đạt
328	22309038	B328	Hà Thị	Tiên	23/05/2004	Nữ	4.0	6.0	9.0	6.5	25.5	6.38	Đạt
329	21403146	B329	Nguyễn Thị Thu	Tiên	15/09/2003	Nữ	2.0	7.0	9.0	6.5	24.5	6.13	Đạt
330	23102017	B330	Phan Hồng	Tiên	28/03/2005	Nữ	5.5	7.0	9.0	7.0	28.5	7.13	Đạt
331	23601025	B331	Ngô Bá	Tiến	05/09/2005	Nam	6.0	4.5	8.0	9.0	27.5	6.88	Đạt
332	23410138	B332	Nguyễn Thành	Tiến	30/04/2003	Nam	4.5	5.0	8.5	3.5	21.5	5.38	Đạt
333	23305548	B333	Phan Bá	Tiến	01/12/1987	Nam	6.5	7.0	9.5	8.0	31.0	7.75	Đạt
334	20103054	B334	Tăng Quốc	Tiến	18/12/2002	Nam	2.5	7.0	9.0	6.0	24.5	6.13	Đạt
335	22605037	B335	Trần Công	Tiến	28/07/2004	Nam	4.5	5.0	8.0	3.5	21.0	5.25	Đạt
336	22306005	B336	Vàng Văn	Tiến	12/08/2002	Nam	4.5	5.0	8.5	0.5	18.5	4.63	Không đạt
337	23604017	B337	Y	Tin	14/01/2005	Nam	7.5	7.0	9.5	5.5	29.5	7.38	Đạt
338	22406050	B338	Lê Bảo	Tín	24/08/2004	Nam	7.0	6.5	8.5	7.5	29.5	7.38	Đạt
339	23607051	B339	Nguyễn Minh	Toàn	11/11/2004	Nam	3.5	4.5	3.5	5.0	16.5	4.13	Không đạt
340	20304019	B340	Nguyễn Quốc	Toàn	08/03/2001	Nam	4.0	4.0	9.0	2.5	19.5	4.88	Không đạt
341	20309037	B341	H Sa	Tor	19/10/2001	Nữ	4.0	6.5	9.0	6.5	26.0	6.50	Đạt
342	22313009	B342	Huỳnh Nguyễn Ngọc	Trâm	27/09/2004	Nữ	6.5	7.0	9.5	5.5	28.5	7.13	Đạt
343	21411032	B343	Nguyễn Thị Bích	Trâm	10/07/2003	Nữ	1.5	7.0	9.0	2.0	19.5	4.88	Không đạt
344	22410080	B344	Trần Huyền	Trâm	23/11/2004	Nữ	7.0	7.0	9.0	7.5	30.5	7.63	Đạt
345	24607056	B345	Lê Nguyễn Kiều	Trân	02/05/2005	Nữ							Hoãn thi
346	21403147	B346	Đặng Thị Huyền	Trang	26/06/2003	Nữ	6.0	7.0	9.0	6.0	28.0	7.00	Đạt
347	20305177	B347	Lê Thị Huyền	Trang	22/08/2002	Nữ	0.0	7.5	9.0	6.0	22.5	5.63	Không đạt
348	21305287	B348	Lê Thị Thùy	Trang	09/08/2003	Nữ	2.0	7.0	9.0	7.0	25.0	6.25	Đạt
349	22406051	B349	Nguyễn Thị Hà	Trang	27/10/2002	Nữ	2.0	7.0	8.0	7.0	24.0	6.00	Đạt
350	23601026	B350	Nguyễn Thị Kiều	Trang	14/05/2005	Nữ	9.0	7.0	9.0	7.5	32.5	8.13	Đạt
351	23403157	B351	Nguyễn Thị Thuý	Trang	03/05/2005	Nữ	5.5	7.0	9.0	3.5	25.0	6.25	Đạt
352	23302028	B352	Trần Văn	Trang	15/07/2005	Nam	8.5	5.0	9.0	7.0	29.5	7.38	Đạt

TT	Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
353	21404060	B353	Phạm Hữu	Trí	17/03/2003	Nam	6.0	7.0	9.0	6.0	28.0	7.00	Đạt
354	22305111	B354	Bùi Ngọc Diễm	Trình	06/04/2003	Nữ	3.0	7.0	9.0	2.5	21.5	5.38	Đạt
355	21402180	B355	Hồ Thị	Trình	25/07/2003	Nữ	5.5	7.0	9.0	7.0	28.5	7.13	Đạt
356	20406234	B356	Hồ Thị Ngọc	Trình	25/04/2002	Nữ	5.0	7.0	9.0	2.0	23.0	5.75	Đạt
357	23301020	B357	Ngũ Thị Kiều	Trình	11/08/2005	Nữ	6.5	7.0	9.0	5.0	27.5	6.88	Đạt
358	23101035	B358	Phan Thị Tuyết	Trình	03/03/2005	Nữ	9.0	7.0	9.0	7.0	32.0	8.00	Đạt
359	21305289	B359	Trần Thị Kiều	Trình	30/09/2003	Nữ	5.0	7.0	9.0	6.5	27.5	6.88	Đạt
360	22404026	B360	Trần Thị Việt	Trình	05/03/2004	Nữ	7.0	7.5	9.0	7.0	30.5	7.63	Đạt
361	20307302	B361	Bá Lư Đình	Trọng	21/04/2001	Nam	5.5	7.0	9.0	2.5	24.0	6.00	Đạt
362	19302021	B362	Nguyễn Văn	Trọng	07/05/2001	Nam							Vắng
363	21406138	B363	Bùi Thị Thanh	Trúc	28/02/2003	Nữ	5.0	7.5	9.0	5.0	26.5	6.63	Đạt
364	23402121	B364	Võ Lê Quang	Trung	22/10/2005	Nam	6.5	7.0	9.0	4.5	27.0	6.75	Đạt
365	23305545	B365	Bùi Anh	Tú	01/12/2004	Nam							Vắng
366	23305510	B366	Phan Trọng	Tuân	10/03/1987	Nam	7.0	7.0	8.5	8.0	30.5	7.63	Đạt
367	22105023	B367	Bùi Khắc	Tuấn	15/11/2004	Nam	9.0	7.0	8.5	6.0	30.5	7.63	Đạt
368	19307270	B368	Nguyễn Vũ	Tùng	05/02/2001	Nam	7.0	7.0	4.5	6.0	24.5	6.13	Đạt
369	24404517	B369	Phan Văn	Tùng	27/08/1992	Nam	6.0	7.0	9.0	6.0	28.0	7.00	Đạt
370	23305543	B370	Nguyễn Đức	Tuyên	05/05/1986	Nam	7.0	7.0	8.0	6.0	28.0	7.00	Đạt
371	22305163	B371	Trần Thị	Tuyền	24/06/2003	Nữ	8.5	7.0	5.0	8.0	28.5	7.13	Đạt
372	21402308	B372	Trần Thị Thanh	Tuyền	10/02/2002	Nữ	6.0	7.0	9.5	1.5	24.0	6.00	Đạt
373	23305544	B373	Nguyễn Thị	Tuyết	05/10/1992	Nữ	7.0	7.0	9.0	7.5	30.5	7.63	Đạt
374	20305122	B374	Phan Ánh	Tuyết	10/01/2002	Nữ	5.5	7.0	7.5	2.0	22.0	5.50	Đạt
375	22607057	B375	K' Thị	Úc	12/01/2004	Nữ							Vắng
376	20901168	B376	Nay H'	Ước	13/12/2002	Nữ	2.0	7.0	9.0	6.0	24.0	6.00	Đạt
377	21305191	B377	Bùi Minh Châu	Uyên	01/10/2003	Nam	4.5	6.5	9.0	8.5	28.5	7.13	Đạt
378	21406142	B378	Nguyễn Hà Cẩm	Uyên	17/08/2003	Nữ	3.0	6.5	9.0	8.0	26.5	6.63	Đạt
379	22901055	B379	Nguyễn Lê Tổ	Uyên	24/10/2004	Nữ	5.0	7.5	9.0	8.0	29.5	7.38	Đạt
380	22607034	B380	Nguyễn Thị Thu	Uyên	05/01/2004	Nữ	6.0	7.5	9.0	6.0	28.5	7.13	Đạt
381	22309043	B381	Nông Hà	Uyên	11/12/2004	Nữ	6.0	6.5	9.0	7.5	29.0	7.25	Đạt
382	22102014	B382	Phạm Ngọc Châu	Uyên	26/08/2004	Nữ	5.0	6.5	9.5	5.0	26.0	6.50	Đạt
383	22410091	B383	Lê Thị Thanh	Vân	25/08/2004	Nữ							Vắng
384	22402146	B384	Mai Thị Bích	Vân	12/06/2004	Nữ	5.0	6.5	9.0	5.5	26.0	6.50	Đạt
385	22410141	B385	Nguyễn Hồng	Vân	16/09/2004	Nữ	5.0	6.5	9.5	5.5	26.5	6.63	Đạt
386	21305193	B386	Nguyễn Minh	Văn	12/05/2003	Nam	2.0	6.5	9.0	2.0	19.5	4.88	Không đạt
387	22301010	B387	Nguyễn Quý	Văn	20/10/2004	Nam	2.0	7.5	9.0	8.0	26.5	6.63	Đạt
388	19305168	B388	Võ Thị Bích	Vi	23/03/2001	Nữ	4.0	7.5	9.0	8.0	28.5	7.13	Đạt
389	22902027	B389	Đình Ánh	Viên	26/03/2004	Nữ	6.5	7.5	9.0	8.0	31.0	7.75	Đạt
390	24404518	B390	Đỗ Tấn	Viên	05/11/1997	Nam	7.0	6.5	9.5	8.0	31.0	7.75	Đạt
391	21305196	B391	Trần Quốc	Việt	19/04/2003	Nam							Vắng
392	23305546	B392	Vũ Hoàng	Việt	18/09/2002	Nam	7.0	6.5	9.0	4.0	26.5	6.63	Đạt

TT	Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
393	22403126	B393	Ngô Viết	Vinh	07/04/2004	Nam	5.5	5.0	5.0	5.0	20.5	5.13	Đạt
394	22410092	B394	Trương Quang	Vũ	02/10/2004	Nam	4.5	6.5	9.0	6.0	26.0	6.50	Đạt
395	23403137	B395	Hán Hoàng Thúy	Vươn	28/01/2005	Nữ	2.5	7.0	9.0	3.0	21.5	5.38	Đạt
396	24404519	B396	Nguyễn Văn	Vương	20/11/1995	Nam	7.0	7.0	9.0	6.5	29.5	7.38	Đạt
397	21413123	B397	Nguyễn Thị Thảo	Vy	13/08/2003	Nữ	4.0	6.5	9.0	6.5	26.0	6.50	Đạt
398	22102015	B398	Niê Phạm Thảo	Vy	06/02/2004	Nữ	7.5	6.5	9.0	7.5	30.5	7.63	Đạt
399	22901057	B399	Phạm Thúy	Vy	28/03/2004	Nữ	6.0	6.5	9.5	6.5	28.5	7.13	Đạt
400	21403169	B400	Trần Triệu	Vy	18/08/2003	Nữ	2.0	6.5	9.0	4.5	22.0	5.50	Đạt
401	17903598	B401	Vàng Thị Thùy	Vy	04/07/1995	Nữ	2.0	6.5	9.5	5.5	23.5	5.88	Đạt
402	22607059	B402	Thị Mì	Xa	12/10/2003	Nữ							Vắng
403	21403295	B403	Mai Thanh	Xuân	04/01/2003	Nữ	4.0	6.5	9.0	3.5	23.0	5.75	Đạt
404	22305138	B404	Đoàn Như	Ý	15/02/2004	Nữ	6.5	7.0	9.0	8.0	30.5	7.63	Đạt
405	21403173	B405	Lê Huỳnh	Ý	29/09/2003	Nữ	6.0	6.5	8.0	9.0	29.5	7.38	Đạt
406	19412066	B406	Phạm Nhã	Ý	16/01/2001	Nữ	5.5	7.0	9.0	7.5	29.0	7.25	Đạt
407	22902030	B407	Trần Thị Thu	Yên	26/05/2003	Nữ	7.0	5.0	7.0	6.0	25.0	6.25	Đạt
408	22105010	B408	Nguyễn Hoàng Hải	Yên	25/10/2004	Nữ	8.0	6.5	9.0	6.5	30.0	7.50	Đạt
409	20406156	B409	Nguyễn Thị Kim	Yên	07/07/2002	Nữ	5.5	6.5	9.0	5.5	26.5	6.63	Đạt
410	22410146	B410	Võ Thị Hải	Yên	02/08/2004	Nữ	5.0	6.5	9.5	6.0	27.0	6.75	Đạt

Tổng số thí sinh theo danh sách:

410

Số thí sinh tham gia:

384

Số thí sinh hoãn thi:

2

Số thí sinh vắng:

24

Số thí sinh đạt:

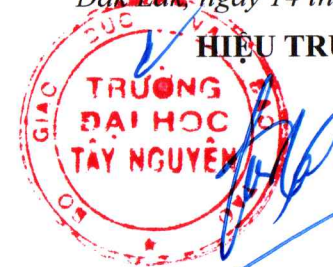
370

Số thí sinh không đạt:

14

Đắk Lắk, ngày 14 tháng 8 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS-TS. Nguyễn Văn Nam